

 nhà ga	 quầy làm thủ tục	un comptoir d'enregistrement Tôi đã thấy quầy làm thủ tục. J'ai vu le comptoir d'enregistrement. Leçon 169 · Prendre l'avion	un terminal Cô ấy đợi gần nhà ga sân bay. Elle a attendu près du terminal de l'aéroport. Leçon 169 · Prendre l'avion
 thẻ lên máy bay	 cổng	une porte Cổng lên máy bay của chúng ta ở đâu? Où est la porte pour notre vol ? Leçon 169 · Prendre l'avion	une carte d'embarquement Đây là thẻ lên máy bay của tôi. C'est ma carte d'embarquement. Leçon 169 · Prendre l'avion
 kiểm tra an ninh	 hành lý xách tay	un bagage à main Anh ấy cũng có một chiếc hành lý xách tay. Il a aussi un bagage à main. Leçon 169 · Prendre l'avion	un contrôle de sécurité Bạn đã bao giờ trượt kiểm tra an ninh chưa? As-tu déjà échoué à un contrôle de sécurité ? Leçon 169 · Prendre l'avion
 hành lý ký gửi	 nơi nhận hành lý	le tapis roulant Họ đang đợi ở nơi nhận hành lý. Ils attendent au tapis roulant. Leçon 169 · Prendre l'avion	un bagage en soute Đây là hành lý ký gửi của tôi. C'est mon bagage en soute. Leçon 169 · Prendre l'avion

		une douane Bạn phải đi qua hải quan. Tu dois passer la douane. Leçon 169 · Prendre l'avion	un contrôle des passeports Kiểm soát hộ chiếu ở sân bay này nằm ở đâu? Où se trouve le contrôle des passeports dans cet aéroport ? Leçon 169 · Prendre l'avion
		la turbulence Máy bay đã gặp một chút nhiễu động. L'avion a connu des turbulences. Leçon 169 · Prendre l'avion	une ceinture de sécurité Dây an toàn này giúp bạn được an toàn. Cette ceinture de sécurité te protège. Leçon 169 · Prendre l'avion
		un tableau des arrivées Hôm nay chúng tôi đã kiểm tra bảng thông tin chuyến bay đến. On a regardé le tableau des arrivées aujourd'hui. Leçon 168 · À la gare	un tableau des départs Bảng thông tin chuyển đi hiển thị các chuyến tàu. Le tableau des départs montre les trains. Leçon 168 · À la gare
		valider son billet Bạn phải xác nhận vé ngay bây giờ. Tu dois valider ton billet maintenant. Leçon 168 · À la gare	un distributeur de billets Cô ấy đã dùng máy bán vé rất nhanh. Elle a rapidement utilisé le distributeur de billets. Leçon 168 · À la gare

 tàu trực tiếp	 tàu tốc hành	un train express Tàu tốc hành rất nhanh. Un train express est très rapide. Leçon 168 - À la gare	un train direct Chuyến tàu trực tiếp đó sẽ đến rất sớm. Ce train direct arrive très bientôt. Leçon 168 - À la gare
 đổi tàu	 chuyến tàu cuối	dernier train Anh ấy đã lỡ chuyến tàu cuối về nhà. Il a raté le dernier train pour rentrer chez lui. Leçon 168 - À la gare	changer de train Chúng tôi đổi tàu tại nhà ga. On change de train à la gare. Leçon 168 - À la gare
 chuyến tàu đầu tiên	 đặt chỗ	une réservation de place Tôi cần đặt chỗ cho ngày mai. J'ai besoin d'une réservation de place pour demain. Leçon 168 - À la gare	premier train Họ đã bắt được chuyến tàu đầu tiên một cách dễ dàng. Ils ont pris le premier train facilement. Leçon 168 - À la gare
 ghế cạnh cửa sổ	 ghế lối đi	une place côté couloir Ghế lối đi rất tốt. La place côté couloir est très bien. Leçon 168 - À la gare	une place côté fenêtre Đó là ghế cạnh cửa sổ của tôi. C'est ma place côté fenêtre. Leçon 168 - À la gare

 quầy lễ tân	 phòng đôi	une chambre double Họ đã đặt một phòng đôi trên mạng. Ils ont réservé une chambre double en ligne. Leçon 170 · Hôtels et séjours	la réception Quầy lễ tân ở khách sạn rất nhiệt tình. La réception de l'hôtel est serviable. Leçon 170 · Hôtels et séjours
 phòng đơn	 thẻ từ	une carte-clé Đây là thẻ từ của tôi. C'est ma carte-clé. Leçon 170 · Hôtels et séjours	une chambre individuelle Tôi đã đặt một phòng đơn ở đó. J'ai réservé une chambre individuelle là-bas. Leçon 170 · Hôtels et séjours
 làm thủ tục nhận phòng	 thủ tục thanh toán	un départ Họ đang làm thủ tục thanh toán. Ils font leur départ maintenant. Leçon 170 · Hôtels et séjours	un enregistrement Cô ấy đang làm thủ tục nhận phòng. Elle fait son enregistrement maintenant. Leçon 170 · Hôtels et séjours
 dịch vụ phòng	 dịch vụ dọn phòng	ménage Khách sạn này cung cấp dịch vụ dọn phòng hàng ngày. Cet hôtel propose le ménage tous les jours. Leçon 170 · Hôtels et séjours	un service en chambre Ai đã nghe điện thoại ở dịch vụ phòng vậy? Qui a répondu au téléphone au service en chambre ? Leçon 170 · Hôtels et séjours

 không làm phiền	 điều hòa	une climatisation Căn phòng đó cần điều hòa. Cette chambre a besoin de climatisation. Leçon 170 · Hôtels et séjours	ne pas déranger Xin đừng làm phiền vị khách đang ngủ. Ne pas déranger le client qui dort. Leçon 170 · Hôtels et séjours
 thang máy	 chỗ gửi hành lý	une consigne à bagages Chỗ gửi hành lý giá bao nhiêu một ngày? Combien coûte la consigne à bagages par jour ? Leçon 170 · Hôtels et séjours	un ascenseur Thang máy đi lên và đi xuống. L'ascenseur monte et descend. Leçon 170 · Hôtels et séjours
 chuyến tham quan có hướng dẫn	 hướng dẫn viên	un guide Cô ấy đã cảm ơn hướng dẫn viên một cách lịch sự. Elle a remercié le guide gentiment. Leçon 174 · Visites et excursions	une visite guidée Một chuyến tham quan có hướng dẫn cho chúng ta thấy các địa điểm. Une visite guidée nous montre des lieux. Leçon 174 · Visites et excursions
 bảo tàng	 phòng tranh	galerie d'art Hôm nay họ đã đi thăm một phòng tranh. Ils ont visité une galerie d'art aujourd'hui. Leçon 174 · Visites et excursions	un musée Bảo tàng có nhiều cổ vật cũ. Le musée a beaucoup d'objets anciens. Leçon 174 · Visites et excursions

 nhà thờ lớn	 lâu đài	un château Cô ấy đã vẽ một bức tranh về một lâu đài. Elle a dessiné un château. Leçon 174 · Visites et excursions	une cathédrale Nhà thờ lớn này có những tòa tháp rất cao. Cette cathédrale a de très hautes tours. Leçon 174 · Visites et excursions
 nhà thờ	 nhà thờ Hồi giáo	une mosquée Hôm nay họ đã đến thăm một nhà thờ Hồi giáo rất đẹp. Ils ont visité une belle mosquée aujourd'hui. Leçon 174 · Visites et excursions	une église Một nhà thờ nằm ở trung tâm thành phố. Une église se trouve dans le centre-ville. Leçon 174 · Visites et excursions
 phí vào cửa	 giờ mở cửa	heures d'ouverture Giờ mở cửa của bạn là khi nào? Quelles sont vos heures d'ouverture ? Leçon 174 · Visites et excursions	un droit d'entrée Hôm nay chúng tôi đã trả phí vào cửa. On a payé le droit d'entrée aujourd'hui. Leçon 174 · Visites et excursions
 quà lưu niệm	 điểm hẹn	un point de rendez-vous Anh ấy đã tìm thấy điểm hẹn một cách dễ dàng. Il a trouvé le point de rendez-vous facilement. Leçon 174 · Visites et excursions	un souvenir Món quà lưu niệm đó là từ chuyến đi của tôi. Ce souvenir vient de mon voyage. Leçon 174 · Visites et excursions

 lịch trình	 chuyến kết nối	une correspondance Chúng ta không được bỏ lỡ chuyến kết nối này! On ne doit pas rater cette correspondance ! Leçon 175 · Projets de voyage	un itinéraire Họ đã đi theo lịch trình chi tiết của mình. Ils ont suivi leur itinéraire détaillé. Leçon 175 · Projets de voyage
 thời gian quá cảnh	 chuyển	transférer Cô ấy có thể chuyển sang một chuyến bay khác. Elle peut transférer sur un autre vol. Leçon 175 · Projets de voyage	une escale Hôm nay bạn có thời gian quá cảnh dài. Tu as une longue escale aujourd'hui. Leçon 175 · Projets de voyage
 giờ khởi hành	 giờ đến	une heure d'arrivée Giờ đến là gần trưa. L'heure d'arrivée est presque midi. Leçon 175 · Projets de voyage	une heure de départ Đó là giờ khởi hành bây giờ. C'est l'heure de départ maintenant. Leçon 175 · Projets de voyage
 xác nhận	 mã đặt chỗ	une référence de réservation Tôi có thể tìm mã đặt chỗ của mình ở đâu? Où est-ce que je peux trouver ma référence de réservation ? Leçon 175 · Projets de voyage	une confirmation Họ cần một bản xác nhận chuyến bay. Ils ont besoin d'une confirmation de vol. Leçon 175 · Projets de voyage

 hủy	 thay đổi	changer Bạn có thể thay đổi lịch đặt chỗ tại quầy. Tu peux changer la réservation au guichet. Leçon 175 · Projets de voyage	annuler Tôi phải hủy đặt chỗ ngay lập tức. Je dois annuler la réservation tout de suite. Leçon 175 · Projets de voyage
 hành lý quá cước	 bảo hiểm du lịch	une assurance voyage Anh ấy cần bảo hiểm du lịch để đảm bảo an toàn. Il a besoin d'une assurance voyage pour sa sécurité. Leçon 175 · Projets de voyage	un excédent de bagages Hành lý quá cước có thể rất đắt. L'excédent de bagages peut être cher. Leçon 175 · Projets de voyage